DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THÁNG 9 NĂM 2026

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
1	151900640	Trịnh Minh	Thành	25/03/2001	Đồng Nai	Thành phố Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH2	2.91	127	Khá
2	162000824	Phạm Trọng	Hữu	09/10/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH3	2.62	157	Khá
3	162001082	Nguyễn An	Ninh	14/10/2002	Cà Mau (Đến ngày 01-07-2025)	Tỉnh Cà Mau	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH4	2.70	161	Khá
4	1721030943	Đặng Minh	Vũ	20/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	3.15	152	Khá
5	1721031324	Lê Văn	Trọng	09/10/2003	Đồng Nai	Thành phố Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	2.89	152	Khá
6	1721011370	Võ Minh	Trường	08/04/2001	Bến Tre (Đến ngày 01-07-2025)	Tỉnh Vĩnh Long	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	3.24	152	Giỏi
7	1721031524	Nguyễn Viết Quốc	Anh	27/02/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	2.65	153	Khá
8	151901596	Lê Đình	Đông	26/08/2001	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	19DHO1	3.08	131	Khá
9	151900210	Phạm Thị Thục	Hiền	18/11/2001	Phú Yên	Đăk lăk	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	19DTP1	2.67	135	Khá
10	162000906	Lê Thị Bích	Ngọc	27/01/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	20DTP	3.04	158	Khá
11	1721030578	Nguyễn Thị Nhã	Linh	05/06/2003	Nghệ An	Nghệ An	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	2.86	158	Khá
12	1822041677	Nguyễn Thị Phương	Chung	26/03/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.42	158	Giỏi
13	1822040674	Đỗ Thùy Mỹ	Duyên	09/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	2.88	158	Khá
14	1822040983	Trương Thị Thùy	Dương	20/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.36	158	Giỏi
15	1822020292	Lê Phúc	Hậu	10/04/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.42	158	Giỏi
16	1822031407	Phạm Thị	Hồng	13/03/2003	Thanh Hoá	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	2.87	158	Khá
17	1822030598	Vương Quốc	Huy	22/04/2003	Tây Ninh	Tây Ninh	Nam	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.69	158	Xuất sắc
18	1822040158	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	12/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.39	158	Giỏi
19	1822041135	Huỳnh Hồ Thiên	Kim	01/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.81	158	Xuất sắc
20	1822040014	Huỳnh Thị Kim	Loan	14/01/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.74	158	Xuất sắc
21	1822001860	Lê Thị Kim	Loan	20/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.06	158	Khá
22	1822040643	Đỗ Thị Trúc	Ly	01/09/2004	An Giang	An Giang	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.82	158	Xuất sắc

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
23	1822040313	Nguyễn Ngọc Ánh	Mai	02/01/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.72	158	Xuất sắc
24	1822041837	Phan Đỗ Như	Quỳnh	11/05/2004	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	2.72	158	Khá
25	1822030142	Dương Hoàng	Sơn	26/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.16	158	Khá
26	1822041587	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/12/2004	Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.63	158	Xuất sắc
27	1822030226	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	26/03/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	2.92	158	Khá
28	1822041458	Đặng Thị Thanh	Xuân	09/08/2004	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	22DĐD1	3.32	158	Giỏi
29	1123861330	Đỗ Thị Ngọc	Anh	30/06/1986	Gia Lai	Gia Lai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.57	128	Giỏi
30	1123921338	Hồ Thị Hoàng	Diệu	26/11/1990	Quảng Trị	Quảng Trị	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.75	133	Xuất sắc
31	1123850013	Trịnh Thị	Giang	18/03/1985	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.53	131	Giỏi
32	1123831331	Nguyễn Thị Minh	Hương	29/03/1983	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.72	133	Xuất sắc
33	1123951339	Đồng Thị Ngọc	Khanh	28/09/1995	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.06	131	Khá
34	1123881336	Trịnh Thị	Thanh	07/04/1988	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.43	130	Giỏi
35	1123981337	Mai Thu	Thảo	01/01/1998	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	3.19	131	Khá
36	1224860049	Đỗ Thị	Biền	27/05/1986	Quảng Trị	Quảng Trị	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.28	136	Giỏi
37	122400042	Vũ Thùy	Dương	20/10/1986	Cà Mau	Cà Mau	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.56	133	Giỏi
38	1224950068	Đồng Thị Ngọc	Hân	24/01/1995	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.35	133	Giỏi
39	1224940040	Phạm Thị Trung	Hiếu	25/10/1994	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.41	139	Giỏi
40	1224940036	Nguyễn Thị Kim	Hoa	21/10/1994	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.00	140	Khá
41	1123921335	Nguyễn Thị	Hồng	18/02/1992	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.34	137	Giỏi
42	1224890041	Phan Thị	Huyền	18/02/1989	Nghệ An	Nghệ An	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.25	144	Giỏi
43	122400033	Vũ Thị Mai	Hương	03/06/1996	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.67	138	Xuất sắc
44	1224930092	Ngô Thị	Lên	10/10/1993	Quảng Nam	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.04	135	Khá
45	1224950031	Đặng Thị Mỹ	Linh	19/08/1995	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	2.89	137	Khá
46	1224850054	Ngô Thị	Nga	01/08/1985	Quảng Nam	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.29	135	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
47	1224920037	Lê Thị	Ngọc	15/04/1992	Hưng Yên	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.38	145	Giỏi
48	1224960035	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/08/1996	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.65	142	Xuất sắc
49	1224910020	Nguyễn Việt	Quốc	01/10/1991	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.38	138	Giỏi
50	1123861340	Trần Thị	Quyên	25/01/1986	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.09	142	Khá
51	1224980022	Phạm Thị	Thanh	16/08/1998	Đăk lăk	Đăk lăk	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.46	139	Giỏi
52	1224900007	Nguyễn Thị	Thê	21/10/1990	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.66	135	Xuất sắc
53	1224970018	Trần Thị	Thuận	03/03/1997	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.38	137	Giỏi
54	1224910015	Trịnh Thị	Thủy	30/09/1991	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.41	136	Giỏi
55	1224960013	Nguyễn Thị Thanh	Thương	26/08/1996	Nam Định	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.27	141	Giỏi
56	1224900090	Đặng Trịnh	Trang	23/05/1990	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.19	135	Khá
57	1224900005	Lăng Thị Linh	Trang	24/02/1990	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.58	139	Giỏi
58	1123921334	Lê Kiều	Trang	23/10/1992	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.33	135	Giỏi
59	1224950012	Ngô Thùy	Trang	09/09/1995	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.41	133	Giỏi
60	1224900088	Trần Thị Ngọc	Trâm	28/09/1990	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.37	133	Giỏi
61	1224800009	Nguyễn Thị Hồng	Vân	17/05/1980	Ninh Thuận (Đến ngày 01-07-2025)	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	3.41	139	Giỏi
62	1224900100	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	25/12/1990	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.49	133	Giỏi
63	1224820083	Bùi Thị	Giang	18/02/1982	Nghệ An	Nghệ An	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.23	133	Giỏi
64	1224930102	Phan Thị Thu	Hiền	20/12/1993	Đà Nẵng	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.35	133	Giỏi
65	1224880105	Lê Thị Thảo	Luận	10/05/1988	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.41	133	Giỏi
66	1224930111	Bạch Lê Tuyết	Mai	10/06/1993	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.11	133	Khá
67	1224900098	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/11/1990	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.29	133	Giỏi
68	1224880103	Bành Thị	Nguyệt	01/04/1988	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.38	133	Giỏi
69	1224910108	Mai Văn	Toàn	10/09/1991	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nam	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.32	135	Giỏi
70	1224970101	Nguyễn Thị	Thảo	09/11/1997	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	2.98	133	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
71	1224900071	Lê Thị Hoài	Thương	11/06/1990	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.12	133	Khá
72	1224890106	Trần Thị Tường	Vy	26/03/1989	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	3.48	133	Giỏi
73	1822040213	Phạm Văn	Thân	05/01/2004	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	3.46	160	Giỏi
74	1822040545	Nguyễn Thị Phương	Uyên	03/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	2.81	160	Khá
75	1224010038	Nguyễn Ngọc Băng	Chi	27/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	3.45	137	Giỏi
76	1224960002	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/05/1996	Đắk Lắk (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	2.84	137	Khá
77	1224990008	Phan Ngọc Thương	Thư	09/07/1999	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	3.04	135	Khá
78	1224020001	Trần Thị Ngọc	Trâm	29/07/2002	Nghệ An	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	3.04	137	Khá
79	1324011110	Malichansy	Chinny	28/11/2001	Lào	Lào	Nữ	0	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.22	134	Giỏi
80	1324951193	Lê Trần Anh	Dũng	21/01/1995	Vũng Tàu	TP. HCM	Nam	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.19	137	Khá
81	1324981126	Hoàng Thị Thúy	Hồng	08/02/1998	Quảng Trị	Quảng Trị	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	2.90	140	Khá
82	1324971030	Phạm Trung	Nam	13/09/1997	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Nam	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	2.86	138	Khá
83	1324921080	Phạm Thị Tuyết	Nga	20/06/1992	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.47	140	Giỏi
84	1324961176	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	14/11/1996	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.19	140	Khá
85	1324961143	Nguyễn Công	Phú	01/10/1996	Bình Dương	TP. HCM	Nam	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.05	140	Khá
86	1324971152	Nguyễn Công	Tín	18/6/1997	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	2.98	140	Khá
87	1324971087	Bùi Viết	Tuấn	13/01/1997	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.14	138	Khá
88	1324001210	Nguyễn Thùy Mai	Trinh	18/02/2000	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	3.16	137	Khá
89	1721031621	Nguyễn Ngọc Kim	Hằng	13/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nữ	Kinh	Kế toán	21DKT3	2.84	128	Khá
90	1721031603	Lê Huy Minh	Thông	03/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nam	Kinh	Kế toán	21DKT3	2.82	128	Khá
91	1822040210	Trần Hoàng	Hảo	16/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Kế toán	22DKT1	3.36	128	Giỏi
92	1822040289	Nguyễn Thị	Hoài	26/06/2004	Nghệ An	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	2.77	128	Khá
93	1822030222	Giang Hồng	Ngọc	22/09/2003	Thái Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	2.85	128	Khá
94	1822040594	Nguyễn Như	Ngọc	20/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	3.32	128	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
95	1822040124	Phạm Phương	Thi	12/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	2.64	128	Khá
96	1822030374	Chu Thị Thanh	Trúc	31/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	2.77	128	Khá
97	1822040039	Nguyễn Thanh	Trúc	27/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	3.07	128	Khá
98	1822040252	Lê Thị Hoài	Vi	19/06/2004	Quảng Bình	Quảng Trị	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT1	2.70	130	Khá
99	1822040651	Trần Thị Thu	Dịu	14/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT2	2.53	128	Khá
100	1822040765	Bùi Thị	Hồng	27/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT2	2.89	128	Khá
101	1822040702	Nguyễn Thị Trà	My	26/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT2	2.85	128	Khá
102	1822040612	Trần Đình Kiến	Thức	20/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT2	3.14	128	Khá
103	1822041005	Nguyễn Ngọc Lan	Vi	28/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT2	2.82	128	Khá
104	1822041420	Mai Ngọc Kiều	Diễm	29/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT3	3.20	128	Giỏi
105	1822041398	Tống Khánh	Linh	30/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT3	2.66	128	Khá
106	1822031050	Trần Nguyễn Hoàng	Ngân	05/02/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT3	2.88	128	Khá
107	1822041231	Phạm Hoàng	Tú	25/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Kế toán	22DKT3	2.87	128	Khá
108	1822040659	Lê Thị Ngọc	Thảo	16/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT3	2.83	128	Khá
109	1822041370	Nguyễn Trần Anh	Thư	02/12/2004	Hà Tĩnh (Đến ngày 01-07-2025)	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT3	2.85	128	Khá
110	1822040658	Vũ Thị Minh	Thư	31/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT3	2.79	128	Khá
111	1822041584	Phạm Huy	Cường	06/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Kế toán	22DKT4	2.76	128	Khá
112	1822041758	Nguyễn Hoàng	Diệp	01/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT4	2.59	128	Khá
113	1822031569	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	12/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT4	2.72	128	Khá
114	1822041676	Hồ Thị Thùy	Nhật	13/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Kế toán	22DKT4	3.27	128	Giỏi
115	151901657	Phạm Bá	Nhật	06/5/2001	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	19DLH3	2.67	121	Khá
116	162001520	Nguyễn Thành	Vinh	02/01/2001	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	20DLH1	2.61	128	Khá
117	172100029	Huỳnh Gia	Huy	16/09/2003	An Giang (Đến ngày 01-07-2025)	An Giang	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	21DLH1	2.72	126	Khá
118	1721031270	Nguyễn Anh	Tuấn	03/07/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	21DLH1	2.94	126	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
119	172100223	Huỳnh Thanh	Trúc	26/05/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	21DLH1	2.36	126	Trung bình
120	1822030328	Vũ Đức Mạnh	Cường	09/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	3.09	128	Khá
121	1822041361	Nguyễn Thị Thanh	Nga	06/02/2004	Hải Dương (Đến ngày 01-07-2025)	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	3.31	126	Giỏi
122	1822041363	Phạm Nguyễn Diễm	Quỳnh	07/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	2.87	126	Khá
123	1822040813	Vũ Minh Phương	Thảo	21/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	2.76	126	Khá
124	1822021098	Nguyễn Thị Bích	Trâm	26/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	TP. HCM	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	3.22	126	Giỏi
125	1822040568	Phạm Thị Yến	Vi	13/04/2004	Quảng Ngãi (Đến ngày 01-07-2025)	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	2.90	128	Khá
126	1822041332	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	05/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22DLH1	3.30	128	Giỏi
127	162000199	Trần Phan Chí	Nghị	01/01/2002	Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT1	2.36	126	Trung bình
128	162000510	Hoàng Ngọc	Huy	23/07/2002	Quảng Trị	Quảng Trị	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT2	2.77	126	Khá
129	162000551	Lê Thị	Thương	20/06/2002	Phú Yên	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT3	3.12	126	Khá
130	162000887	Trần Nguyễn Phương	Vy	07/02/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT4	2.42	126	Trung bình
131	162000888	Đỗ Thị Thảo	Hiền	01/07/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT5	2.53	126	Khá
132	162001270	Nguyễn Phương	Hiền	26/11/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT5	3.02	126	Khá
133	162001492	Nguyễn Phương	Lam	07/12/2002	Bình Dương (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT6	3.55	126	Giỏi
134	162001521	Mai Tiến	Phát	26/12/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT6	3.09	126	Khá
135	172100099	Trịnh Thị Bích	Ngọc	13/06/2003	Ninh Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT1	2.76	126	Khá
136	172100126	Đỗ Doãn	Trọng	19/5/2003	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT1	3.23	126	Giỏi
137	172100334	Nguyễn Kim	Phượng	10/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT2	3.03	126	Khá
138	1721020642	Lê Thành	Phát	28/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	TP. HCM	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT3	2.80	128	Khá
139	172100255	Phan Nguyễn Duy	Tuấn	16/11/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT4	3.04	130	Khá
140	1721030824	Mai Phi	Hùng	19/06/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT5	2.56	128	Khá
141	1721021720	Nguyễn Anh	Khôi	02/12/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT6	2.63	126	Khá
142	1721031694	Nguyễn Phương Tú	Anh	02/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT8	2.68	126	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
143	1721031713	Mai Khánh	Linh	23/11/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT8	2.70	126	Khá
144	1822040045	Phạm Thuỳ	Anh	06/07/2004	Nam Định (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	2.68	126	Khá
145	1822040150	Trần Văn	Dũng	13/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	3.14	128	Khá
146	1822040028	Phan Như	Hùng	10/09/2004	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	2.98	126	Khá
147	1822040071	Võ Duy	Khánh	18/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	2.95	126	Khá
148	1822040061	Võ Nguyễn Viết	Luân	29/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	2.36	132	Trung bình
149	1822990182	Nguyễn Thị Thuỳ	Nguyên	06/11/1999	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	3.54	126	Giỏi
150	1822040019	Nguyễn Lê Hoàn	Thành	31/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	3.11	126	Khá
151	1822030441	Trương Gia	Kiệt	23/12/2003	Tây Ninh	Tây Ninh	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	2.90	126	Khá
152	1822040925	Ngô Tiến	Lực	28/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	3.26	126	Giỏi
153	1822040348	Phạm Quỳnh	My	27/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	3.35	126	Giỏi
154	1822040461	Bùi Hoàng Đan	Nhi	10/10/2004	Đăk Nông	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	3.22	126	Giỏi
155	1822040253	Trương Phạm Hoàng	Oanh	28/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	2.52	126	Khá
156	1822040327	Hoàng Thị Nhả	Phương	17/07/2004	Quảng Bình	Quảng Trị	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	2.91	126	Khá
157	1822040336	Nguyễn Giang Thanh	Tuyền	27/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	3.54	126	Giỏi
158	1822040413	Nguyễn Thành	Thái	28/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	2.77	126	Khá
159	1822040444	Vũ Phương	Thảo	14/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	2.85	128	Khá
160	1822040382	Phạm Nguyễn Anh	Thư	14/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	3.15	126	Khá
161	1822040834	Nguyễn Tuyết	Ngân	28/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	2.75	126	Khá
162	1822040646	Phan Thị Thanh	Thảo	21/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	2.46	126	Trung bình
163	1822040984	Trịnh Hùng	Đạt	06/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.73	128	Khá
164	1822040997	Vũ Trường	Kiệt	28/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.51	126	Khá
165	1822041024	Cao Nguyễn Bảo	Luân	09/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.83	126	Khá
166	1822041008	Nguyễn Đăng Thanh	Quang	23/04/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.63	126	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
167	1822040986	Nguyễn Thị Phương	Thanh	26/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.76	126	Khá
168	1822031074	Phan Thị Phương	Thảo	30/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.83	126	Khá
169	1822040953	Nguyễn Hồng	Thiên	17/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.79	126	Khá
170	1822041071	Mai Nguyễn Bảo	Trâm	31/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	2.91	126	Khá
171	1822040977	Trần Nguyên Phương	Trinh	03/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	3.02	126	Khá
172	1822041292	Trần Quốc	Bảo	28/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	3.01	128	Khá
173	1822041297	Nguyễn Sỹ	Benz	13/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	3.38	126	Giỏi
174	1822041328	Lê Huy	Hoàng	14/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	2.28	126	Trung bình
175	1822031890	Nguyễn Thị Lan	Hương	04/09/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	3.02	126	Khá
176	1822041185	Phạm Hà Lệ	Quyên	04/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	2.81	126	Khá
177	1822041410	Nguyễn Đặng Thanh	Tuyền	13/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	3.83	126	Xuất sắc
178	1822041321	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	21/04/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	3.36	126	Giỏi
179	1822041414	Dương Thị Như	Ý	18/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	3.32	126	Giỏi
180	1822041525	Đoàn Ngọc Ánh	Linh	29/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	3.56	126	Giỏi
181	1822041468	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	3.10	126	Khá
182	1822041690	Tống Khánh	Linh	22/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	2.79	126	Khá
183	1822041547	Trần Quang	Linh	25/01/2004	Thái Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Hưng Yên	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	2.96	126	Khá
184	1822041503	Đinh Thúy	Thanh	23/08/2004	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	3.17	126	Khá
185	1822041619	Nguyễn Thành	Trung	29/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	3.12	126	Khá
186	1822041873	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	20/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	3.50	126	Giỏi
187	1822041771	Tống Đức Anh	Duy	19/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	3.06	126	Khá
188	1822041818	Phạm Nhật	Hào	15/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	TP. HCM	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	3.46	126	Giỏi
189	1822041772	Đinh Đức	Hiếu	14/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	2.75	126	Khá
190	1822041731	Lê Thị Ánh	Linh	22/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	2.87	126	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
191	1822041801	Nguyễn Thuý	Phương	25/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	2.91	126	Khá
192	1822041767	Nguyễn Vũ Hoài	Thăng	02/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	3.31	126	Giỏi
193	1822041811	Dương Thị Thùy	Trang	27/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	3.11	126	Khá
194	1822031861	Nguyễn Thanh Thảo	Trinh	26/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	2.85	126	Khá
195	1822041687	Phạm Ngọc Ái	Vân	09/10/2004	Đồng Tháp (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	2.78	126	Khá
196	162001114	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	09/01/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	20DKS2	2.89	127	Khá
197	162001074	Phạm Tấn	Vinh	06/03/2001	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	20DKS2	2.51	127	Khá
198	1721031207	Hà Thị	Giang	28/02/2003	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	21DKS1	3.31	127	Giỏi
199	1822040608	Nguyễn Thanh	Mai	01/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	3.44	127	Giỏi
200	162001251	Chu Văn	Dân	03/03/2002	Nghệ An	Nghệ An	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	20DTC2	2.33	129	Trung bình
201	1721030449	Hoàng Kiến	Giang	16/08/2003	Bình Dương	TP. HCM	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	2.74	128	Khá
202	1721000977	Nguyễn Văn	Hiệp	13/03/2000	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	2.96	126	Khá
203	1721031672	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	04/05/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	2.74	128	Khá
204	172100194	Vi Anh Kim	Tuấn	21/11/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Nùng	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	2.77	130	Khá
205	1721031322	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	12/01/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC2	2.88	128	Khá
206	1721031779	Hồ Hoàng	Lâm	05/11/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC2	2.87	129	Khá
207	1721031781	Hà Thị Thuỳ	Linh	16/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Tày	Tài chính - Ngân hàng	21DTC2	2.56	130	Khá
208	1822041765	Hồ Thị Lan	Anh	30/04/2004	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.84	126	Khá
209	1822040048	Nguyễn Vũ Minh	Ân	02/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.79	126	Khá
210	1822040377	Đinh Quốc	Bảo	24/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.83	126	Khá
211	1822041733	Trần Khánh	Duy	31/07/2004	Vĩnh Long (Đến ngày 01-07-2025)	Vĩnh Long	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.61	126	Khá
212	1822040187	Đống Ngọc	Duyên	27/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.52	128	Khá
213	1822040308	Bùi Quốc	Đại	11/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.85	126	Khá
214	1822040231	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	3.21	126	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
215	1822040120	Trần Nguyễn Phương	Linh	17/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.77	126	Khá
216	1822040434	Phạm Trúc	Ly	03/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.73	126	Khá
217	1822040585	Lâm Khúc Gia	Minh	08/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.44	126	Trung bình
218	1822040218	Nguyễn Đức	Minh	09/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.96	126	Khá
219	1822041730	Đặng Minh	Nhật	16/12/2004	Bình Định (Đến ngày 01-07-2025)	Gia Lai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	3.15	126	Khá
220	1822020163	Nguyễn Hồ Quỳnh	Như	24/10/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.60	126	Khá
221	1822030486	Nguyễn Hoài	Sơn	11/03/2003	Bình Phước (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	3.25	126	Giỏi
222	1822040888	Đàm Thị Minh	Tuyền	05/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.69	126	Khá
223	1822040436	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	06/12/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	3.29	126	Giỏi
224	1822041762	Dương Thị Thanh	Thúy	15/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.81	126	Khá
225	1822030496	Nguyễn Phạm Thùy	Trang	24/06/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.63	126	Khá
226	1822040957	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	02/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	2.56	126	Khá
227	1822041413	Nguyễn Lâm Ngọc	Hân	11/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.88	126	Khá
228	1822041610	Bùi Mai	Khanh	18/12/2004	Hưng Yên	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.57	126	Khá
229	1822041212	Mai Gia	My	03/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	3.14	126	Khá
230	1822031109	Đinh Hoàng Trúc	Ngân	14/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.97	130	Khá
231	1822041682	Đoàn Thụy Kim	Ngân	05/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	3.15	128	Khá
232	1822041608	Huỳnh Minh	Ngọc	25/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.52	128	Khá
233	1822041497	Nguyễn Vũ Quỳnh	Như	02/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.80	128	Khá
234	1822041134	Nguyễn Huỳnh San	San	01/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.56	126	Khá
235	1822041193	Cấn Lê Thủy	Tiên	26/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	3.17	128	Khá
236	1822041586	Trịnh Thanh	Thảo	03/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.90	126	Khá
237	1822041644	Bùi Ngọc Hoài	Thương	19/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.89	126	Khá
238	1822041565	Lê Anh Thư	Trúc	07/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.97	128	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
239	1822041138	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	09/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	3.00	126	Khá
240	1822041145	Nguyễn Thị Thanh	Vy	10/10/2004	Quảng Ngãi (Đến ngày 01-07-2025)	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	3.21	126	Giỏi
241	1822041061	Nguyễn Thúy	Vy	29/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	2.83	126	Khá
242	151900477	Huỳnh Phan Nhật	Tân	18/10/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	19DCT1	2.72	130	Khá
243	162001592	Nguyễn Đình	Hiệp	20/06/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	20DCT2	2.90	154	Khá
244	162000958	Phạm Huy	Hoàng	04/03/2002	Thái Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Hưng Yên	Nam	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	20DCT2	2.77	152	Khá
245	162001452	Nguyễn Đình	Tuấn	06/08/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	20DCT2	2.56	153	Khá
246	1721030394	Trần Chí	Tường	28/11/2003	Tây Ninh	Tây Ninh	Nam	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	21DCT1	2.63	153	Khá
247	1224000081	Vũ Nguyên	Phương	02/9/2000	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	24DCT1LT1	3.01	152	Khá
248	151900459	Phạm Anh	Khoa	18/04/2001	Long An	Tây Ninh	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19DDT1	2.33	130	Trung bình
249	151900137	Phạm Minh	Tuyên	23/1/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19DDT1	2.75	130	Khá
250	162000253	Phan Mạnh	Cường	09/09/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20DĐI1	2.59	154	Khá
251	1721030495	Đặng Đức	Minh	27/10/2003	Thanh Hoá	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21DĐT1	2.53	156	Khá
252	1721031225	Nguyễn Minh	Sang	23/12/2003	Tiền Giang	Đồng Tháp	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21DĐT1	2.72	154	Khá
253	151900182	Đặng Huỳnh	Hiếu	07/09/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	19DOT1	2.56	130	Khá
254	151900317	Lê Đại	Thắng	23/09/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	19DOT2	2.93	130	Khá
255	162000828	Trương Anh	Hào	26/11/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20DOT3	2.64	159	Khá
256	172100269	Nguyễn Ngô Bảo	Huy	19/10/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	2.95	156	Khá
257	172100105	Lê Văn	Phong	15/09/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	2.85	156	Khá
258	172100074	Nguyễn Văn	Thanh	01/06/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	2.80	156	Khá
259	1721030911	Đỗ Hoàng Tuấn	Kiệt	09/04/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	2.94	156	Khá
260	1721021007	Nguyễn Thành Khánh	Tâm	11/09/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	3.01	156	Khá
261	1721031600	Mai Duy	Anh	04/11/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT4	2.86	156	Khá
262	162000283	Nguyễn Quang	Vinh	02/08/2002	Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Đông phương học	20DĐP1	3.00	130	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
263	1721031509	Đỗ Ngọc Thảo	Vy	19/06/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Đông phương học	21DĐP1	2.87	130	Khá
264	1822041338	Đoàn Thị Kim	Hằng	11/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Đông phương học	22DĐP1	3.58	130	Giỏi
265	1822041329	Tống Hoàng Minh	Khuê	23/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	3.16	130	Khá
266	1510286	Nguyễn Thị Thiên	Ân	16/11/1996	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	15DTA4	2.74	157	Khá
267	151900188	Bùi Tuấn	Minh	28/09/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	19DTA1	2.63	137	Khá
268	162000608	Nguyễn Thanh	Tùng	19/10/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	20DTA2	2.94	139	Khá
269	162000852	Nguyễn Bảo	Trân	28/10/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	20DTA2	2.94	136	Khá
270	1721030752	Lê Nguyễn Như	Phương	31/03/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	2.65	136	Khá
271	1721031407	Nguyễn Hoàng	Nam	08/06/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	2.72	136	Khá
272	1721031426	Đỗ Đình	Thành	02/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	3.05	133	Khá
273	1822030386	Trương Ngọc	Chi	10/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	2.86	136	Khá
274	1822041846	Bùi Thị Bạch	Dương	17/05/2004	Ninh Thuận	Khánh Hoà	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	3.50	138	Giỏi
275	1822040003	Nguyễn Minh	Thư	04/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	3.09	138	Khá
276	1822040248	Lê Thanh	Hoài	27/01/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	2.56	138	Khá
277	1822040991	Huỳnh Thị Ánh	Nguyệt	03/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	2.44	136	Trung bình
278	1822030995	Nguyễn Minh	Nhật	10/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	3.07	136	Khá
279	1822040915	Nguyễn Thị Trang	Nhung	18/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	2.69	136	Khá
280	1822041486	Mai Đình Hương	Giang	28/08/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	2.78	136	Khá
281	1822041190	Võ Thị Thùy	Linh	18/08/2004	Nghệ An (Đến ngày 01-07-2025)	Nghệ An	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	3.24	136	Giỏi
282	1822041306	Ngô Ngọc Hoàng	Ly	09/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	3.33	136	Giỏi
283	1822041493	Kông Vinh Thanh	Ngân	27/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Hoa	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	3.23	136	Giỏi
284	1822041504	Lê Hoài Yến	Ngọc	02/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	2.91	136	Khá
285	1822041302	Đào Thị Yến	Nhi	24/04/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	2.96	136	Khá
286	1822041381	Chu Nguyễn Như	Quỳnh	31/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	2.73	139	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh (Địa danh cũ)	Nơi sinh (Địa danh mới)	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Lớp	TBCTL	Số tín chỉ	Xếp loại
287	1822041276	Bạch Nguyễn Hoàng	Vy	16/05/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	3.08	136	Khá
288	1822041566	Vũ Long Hương	Giang	18/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	3.11	136	Khá
289	1822030559	Lâm Đình	Huy	27/10/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	3.26	138	Giỏi
290	1822041849	Nguyễn Nguyên	Nghi	14/08/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	3.05	136	Khá
291	1822030749	Trịnh Trần Bảo	Trâm	26/06/2003	Bình Thuận (Đến ngày 01-07-2025)	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	2.59	128	Khá
292	1822040356	Nguyễn Ngọc Thiên	Trúc	15/04/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	2.64	128	Khá
293	1822040923	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	2.92	130	Khá